



PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG ANH

UNIT: SCHOOL ROOMS



Name: Class: Date:

1. Nối từ với hình phù hợp. (9 câu)

- 1. school
- 2. classroom
- 3. library
- 4. playground
- 5. art room
- 6. computer room
- 7. music room
- 8. gym
- 9. English room



2. Điền từ thích hợp. (9 câu)

school classroom library playground art room
computer room music room gym English room

1. This is my _____.
2. This is my _____.
3. This is my _____.
4. This is my _____.
5. This is my _____.
6. This is my _____.
7. This is my _____.
8. This is my _____.
9. This is my _____.



3. Chọn đáp án đúng. (6 câu)

1. This is my _____.
A. library B. libsary C. library
2. This is his _____.
A. classroom B. classrom C. clasroom
3. This is her _____.
A. art room B. artroom C. art rom
4. This is our _____.
A. playground B. playgroud C. play ground
5. This is your _____.
A. computer room B. computer rom C. computerroom
6. This is their _____.
A. gym B. g ym C. jim

4. Sắp xếp các từ thành câu hoàn chỉnh. (6 câu)

1. my / This / school / is / . _____
2. his / This / classroom / is / . _____
3. her / This / library / is / . _____
4. our / This / playground / is / . _____
5. your / This / art room / is / . _____
6. their / This / computer room / is / . _____

5. Nhìn hình, viết câu đúng với từ gợi ý. (6 câu)



my / classroom



his / library



her / playground



our / music room



your / gym



their / English room